

Số: 1605/TB-QNP

Gia Lai, ngày 03 tháng 8 năm 2026

**THÔNG BÁO**

**V/v Thanh lý xuất bán các công cụ dụng cụ, phụ tùng hư hỏng,  
nguyên vật liệu, vật tư thu hồi không thuộc tài sản cố định**

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 17/4/2026;

Căn cứ Quyết định số 233/QĐ-HĐQT ngày 28/11/2024 của HĐQT Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc ban hành quy chế quản lý tài chính Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số: 642/QĐ-QNP ngày 19/03/2026 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc: thanh lý công cụ dụng cụ.

Căn cứ Quyết định số: 1501/QĐ-QNP ngày 22/7/2026 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc: Thanh lý xuất bán các phế liệu, công cụ dụng cụ, phụ tùng hư hỏng, nguyên vật liệu, vật tư thu hồi không thuộc tài sản cố định.

Nay Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thông báo tổ chức bán thanh lý một số công cụ dụng cụ, phụ tùng hư hỏng, vật tư thu hồi các loại được phân nhóm như sau:

1. Nhóm 1: Sắt thép, vật tư thu hồi (bán theo kg)
2. Nhóm 2: Đệm cao su, lốp xe thu hồi (bán theo cái)
3. Nhóm 3: Máy biến áp (bán theo cái)
4. Nhóm 4: Thiết bị công nghệ thông tin và điện tử thu hồi (bán theo kg)  
(có danh sách vật tư, biểu mẫu đăng ký mua kèm theo thông báo)

Các đơn vị, cá nhân có nhu cầu mua xin liên hệ theo địa chỉ sau:

Phòng Đầu tư Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai.

Di động: 0935249519 (ông Hoa), 0337404974 (bà Dung)

Thời gian xem và nộp phiếu chào giá mua hàng thanh lý từ ngày 04/8/2026 đến hết 16h ngày 07/8/2026.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Người tham gia chào giá;
- Phòng TCKT, KT (để p/h);
- Lưu ĐT.



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



**Hồ Liên Nam**





**DANH MỤC THANH LÝ XUẤT BÁN CÁC CÔNG CỤ DỤNG CỤ,  
PHỤ TÙNG THU HỒI, NGUYÊN VẬT LIỆU, VẬT TƯ THU HỒI KHÔNG  
THUỘC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**  
(kèm theo thông báo số: 1605/TB-QNP ngày 03/8/2026)

**1. Nhóm sắt thép, vật tư thu hồi (bán theo kg)**

| TT | Mã vật tư  | Tên vật tư                                 | ĐVT  | Số lượng |
|----|------------|--------------------------------------------|------|----------|
| 1  | T-BDC00102 | Bộ động cơ thu hồi - XN18                  | BO   | 6        |
| 2  | T-BDD00100 | Bộ dây điện điều khiển động cơ thu hồi ĐK  | BO   | 1        |
| 3  | T-BDV00100 | Bộ đếm vòng quay thu hồi - G               | CAI  | 2        |
| 4  | T-BIT00300 | Biến tần 3 pha thu hồi BTĐ                 | CAI  | 1        |
| 5  | T-BOD00501 | Bộ đệm dùng cho khớp nối thu hồi           | BO   | 1        |
| 6  | T-BON00400 | Bộ nguồn thu hồi - G                       | BO   | 1        |
| 7  | T-BOP00200 | Bộ phốt thu hồi - ĐK                       | BO   | 1        |
| 8  | T-BPC00101 | Bộ phốt motor chân vịt thu hồi - RTG       | BO   | 4        |
| 9  | T-CAB00100 | Cân bàn 500 kg thu hồi                     | CAI  | 6        |
| 10 | T-CAB00203 | Cảm biến thu hồi - QC                      | CAI  | 2        |
| 11 | T-CAB00302 | Cảm biến các loại thu hồi - G              | CAI  | 2        |
| 12 | T-CAB00502 | Cảm biến thu hồi xe nâng Cont              | CAI  | 12       |
| 13 | T-CAK00100 | Cáp các loại thu hồi kho công cụ           | SOI  | 79       |
| 14 | T-CAN00100 | Cân đồng hồ 100kg thu hồi KCC              | CAI  | 3        |
| 15 | T-CAP00102 | Cáp # 26 thu hồi - ĐCG                     | M    | 185      |
| 16 | T-CAP00106 | Cáp # 30 thu hồi - QC 525                  | M    | 645      |
| 17 | T-CAP00111 | Cáp thép # 25 - 283m/cuộn thu hồi          | CUON | 1        |
| 18 | T-CAP00300 | Cáp φ16 thu hồi - ĐCG                      | M    | 170      |
| 19 | T-CAP00400 | Cáp φ20 thu hồi - ĐCG                      | M    | 585      |
| 20 | T-CAP00500 | Cáp φ22 thu hồi - ĐCG                      | M    | 977      |
| 21 | T-CAP00903 | Cáp #48 thu hồi G1                         | SOI  | 1        |
| 22 | T-CAP00904 | Cáp #36 thu hồi G2                         | SOI  | 2        |
| 23 | T-CAT00104 | Cáp treo thu hồi đường dây chiếu sáng      | mét  | 195      |
| 24 | T-CBT00100 | Cột bê tông ly tâm                         | CAI  | 10       |
| 25 | T-CBT00101 | Cột bê tông ly tâm chặt góc thu hồi        | TRU  | 13       |
| 26 | T-CCT00200 | Cầu chì tự rơi 100A thu hồi đường dây 22Kv | CAI  | 6        |



*Handwritten signature*



|    |            |                                                             |     |    |
|----|------------|-------------------------------------------------------------|-----|----|
| 27 | T-CHS00100 | Chống sét van LA-18-21Kv thu hồi đường dây 22Kv - 03 cái/bộ | BO  | 4  |
| 28 | T-CHT00101 | Chổi than thu hồi QC                                        | CAI | 10 |
| 29 | T-CHT00200 | Chổi than thu hồi - G                                       | CAI | 20 |
| 30 | T-CKN00100 | Cáp kết nối thu hồi - G                                     | CAI | 4  |
| 31 | T-CTA00100 | Công tắc áp động cơ thu hồi XN cont                         | CAI | 1  |
| 32 | T-CTH00102 | Công tắc hành trình thu hồi - QC                            | CAI | 1  |
| 33 | T-CTT00100 | Contactơ thu hồi - G                                        | CAI | 1  |
| 34 | T-CTT00300 | Contactơ thu hồi                                            | CAI | 1  |
| 35 | T-CXC00100 | Cùm xà cột các loại thu hồi đường dây 0,4KV                 | BO  | 10 |
| 36 | T-CXQ00100 | Chổi xe quét đường sợi thép hồng thu hồi                    | CAI | 4  |
| 37 | T-DCD00204 | Dây cáp điện 4G4mm2 thu hồi G1                              | SOI | 1  |
| 38 | T-DCD00600 | Dây cáp điện thu hồi                                        | mét | 35 |
| 39 | T-DEC00102 | Đèn + cần thu hồi đường dây chiếu sáng                      | BO  | 6  |
| 40 | T-DEX00101 | Đèn pha + xà thu hồi đường dây chiếu sáng                   | BO  | 2  |
| 41 | T-DNT00100 | Dây néo trung thế thu hồi đường dây 22Kv                    | BO  | 1  |
| 42 | T-DNT00101 | Đầu nối trung thế thu hồi đường dây 22Kv                    | CAI | 6  |
| 43 | T-DOH00201 | Đồng hồ đo thu hồi - RTG                                    | CAI | 15 |
| 44 | T-DTX00101 | Điện trở xả thu hồi - G                                     | CAI | 2  |
| 45 | T-DTX00102 | Điện trở xả thu hồi - G1                                    | CAI | 1  |
| 46 | T-KEN00201 | Kết nước thu hồi - XĐ                                       | CAI | 1  |
| 47 | T-KHN00201 | Khóa ngù khung ngang thu hồi - G2                           | CAI | 4  |
| 48 | T-KHN00601 | Khóa ngù thu hồi - QC487                                    | CAI | 8  |
| 49 | T-KND00100 | Khớp nối đĩa thu hồi G                                      | CAI | 2  |
| 50 | T-MAN00100 | Ma ní các loại thu hồi - kec                                | CAI | 35 |
| 51 | T-MAP00201 | Má phanh thu hồi - G                                        | CAI | 10 |
| 52 | T-MAX00401 | Mâm xoay thu hồi - G2                                       | CAI | 1  |
| 53 | T-MBA00103 | Máy biến áp 30KVA thu hồi đường dây 22Kv                    | CUM | 1  |
| 54 | T-MBA00104 | Máy biến áp 320KVA thu hồi dự án tháo dỡ GD1                | MAY | 1  |
| 55 | T-MMB00100 | Máy may bao hồng thu hồi KCC                                | CAI | 3  |
| 56 | T-MOC00100 | Móc các loại thu hồi - KCC                                  | CAI | 85 |

|    |            |                                                      |      |    |
|----|------------|------------------------------------------------------|------|----|
| 57 | T-MOC00201 | Móc cầu thu hồi - G                                  | CAI  | 1  |
| 58 | T-MOC00202 | Móc cầu thu hồi - G2                                 | CAI  | 1  |
| 59 | T-MOD00400 | Module các loại thu hồi - G                          | CAI  | 1  |
| 60 | T-NHX00200 | Nhông xích - RTG                                     | CAI  | 9  |
| 61 | T-NLK00100 | Nắp làm kín G thu hồi                                | CAI  | 2  |
| 62 | T-NUN00100 | Nút nhấn thu hồi - BTĐ                               | CAI  | 1  |
| 63 | T-OCA00101 | Ổ cắm âm các loại thu hồi - BTĐ                      | CAI  | 4  |
| 64 | T-OCA00201 | Ổ cắm 36 chân thu hồi G1                             | CAI  | 1  |
| 65 | T-QCN00100 | Quạt công nghiệp hồng thu hồi                        | CAI  | 5  |
| 66 | T-QNL00100 | Quạt năng lượng thu hồi RTG                          | CAI  | 5  |
| 67 | T-ROC00100 | Ruột ổ cắm thu hồi - G2                              | CAI  | 1  |
| 68 | T-ROL00103 | Rơ le các loại thu hồi QC                            | CAI  | 3  |
| 69 | T-ROL00200 | Rờ le các loại thu hồi - BTĐ                         | CAI  | 5  |
| 70 | T-SUD00100 | Sứ đứng, sứ chuỗi, sứ bát- thu hồi đường dây 22Kv    | CAI  | 42 |
| 71 | T-TID00100 | Tiếp điểm thu hồi G                                  | CAI  | 3  |
| 72 | T-TTB00100 | Tủ tụ bù hạ thế - thu hồi dự án tháo dỡ GD1          | TU   | 1  |
| 73 | T-VAD00100 | Van điện thu hồi - XC                                | CAI  | 2  |
| 74 | T-VAN00101 | Van các loại thu hồi                                 | CAI  | 1  |
| 75 | T-VDT00101 | Van điện từ thu hồi - XC                             | CAI  | 3  |
| 76 | T-VOB00102 | Vòng bi các loại thu hồi - XC                        | VONG | 11 |
| 77 | T-VOB00110 | Vòng bi các loại thu hồi -G                          | VONG | 14 |
| 78 | T-VOB00305 | Vòng bi mâm xoay thu hồi - G1                        | VONG | 1  |
| 79 | T-VOB00306 | Vòng bi thu hồi G1                                   | VONG | 2  |
| 80 | T-VOB00600 | Vòng bi thu hồi - XN16                               | VONG | 2  |
| 81 | T-VOD00102 | Vòng đệm các loại thu hồi QC                         | CUM  | 1  |
| 82 | T-XAD00100 | Xà đèn+ chụp đầu cột các loại thu hồi đường dây 22Kv | BO   | 10 |
| 83 | T-XAD00101 | Xà đỡ, sứ, kẹp răng thu hồi tháo dỡ dự án GD1        | CUM  | 1  |
| 84 | T-XEC00100 | Xe cải tiến hồng thu hồi                             | CAI  | 2  |
| 85 | T-XEN00100 | Xẻng các loại thu hồi                                | CAI  | 55 |
| 86 | T-XIC00501 | Xích thu hồi RTG                                     | SOI  | 4  |
| 87 | T-XIC00503 | Xích RS100 thu hồi - QC                              | SOI  | 3  |



|     |                |                                                                                |            |                    |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------|
| 88  | T-XIC00505     | Xích dẫn cáp QC thu hồi                                                        | BO         | 2                  |
| 89  | T-XIC00506     | Xích thép đỡ cáp QC thu hồi                                                    | SOI        | 1                  |
| 90  | T-TUL00100     | Tủ lạnh hồng                                                                   | CAI        | 2                  |
| 91  | T-MAL00200     | Máy lạnh hồng                                                                  | BO         | 4                  |
| 92  | TT             | Phế liệu (thu hồi trong quá trình sửa chữa công)                               | Tấn        | Ước tính: 2,8 tấn) |
| 93  | TT             | Sắt thép phế liệu thu hồi trong quá trình sửa chữa thiết bị của XNSCCK         | Tấn        | Ước tính: 1.5 tấn) |
| 94  | TT             | Tole, xà gỗ hỏng thu hồi sau bão                                               | Tấn        | Ước tính: 0.5 tấn  |
| 95  | CQN6000000170  | Gia Công mới Ben Thuyền 2,2 m3 (KCC)                                           | Cái        | 2                  |
| 96  | CQN6000000170  | Gia Công mới Ben Thuyền 2,2 m3 (KCC)                                           | 31/07/2017 | 2                  |
| 97  | CQN7000000141  | Tủ lạnh sharp SJ 18VF1CS                                                       | 01/07/2015 | 1                  |
| 98  | CQN6000000209  | 2 máy lạnh áp trần 4.0HP - FHNQ36MV1V cho cầu QC-487 (số 07/19/HĐMB/TCMS-CPQN) | 31/08/2019 | 2                  |
| 99  | CQN7000000278  | Máy lạnh Panasonic 2hp                                                         | 01/01/2016 | 3                  |
| 100 | CQN.7.1220.015 | Phân bổ gia công ben thuyền 2.2m3 và 1 ben xà đáy                              | 31/12/2020 | 1                  |
| 101 | CQN.6.0421.001 | Máy điều hòa LG (TCKT)                                                         | Cái        | 1                  |
| 102 | CQNPBDH0234    | Tủ lạnh Sanyo                                                                  | Cái        | 1                  |
| 103 | CQN7000000608  | Máy điều hòa mitshubishi                                                       | Cái        | 1                  |

## 2. Nhóm 2: Đệm cao su, lốp xe thu hồi (bán theo cái)

| TT | Tên vật tư                    | Đvt  | Số lượng |
|----|-------------------------------|------|----------|
| 1  | Dây băng tải B500 thu hồi     | SOI  | 10       |
| 2  | Dây băng tải thu hồi - BTĐ 46 | Cuộn | 2        |
| 3  | Dây băng tải thu hồi B1400    | CUON | 2        |
| 4  | Lốp 11.00 + 11R22,5 thu hồi   | CAI  | 10       |
| 5  | Lốp 12.00 + 12R22.5 thu hồi   | CAI  | 4        |
| 6  | Lốp 14.00 thu hồi             | CAI  | 3        |
| 7  | Lốp 18.00 thu hồi XN+RTG      | CAI  | 4        |
| 8  | Lốp nhỏ 17,5 - 7.00 thu hồi   | CAI  | 8        |

*mb*

### 3. Nhóm 3: Máy biến áp thu hồi (bán theo cái)

| TT | Tên vật tư                                   | Đvt | Số lượng |
|----|----------------------------------------------|-----|----------|
| 1  | Máy biến áp 30KVA thu hồi đường dây 22Kv     | Cái | 1        |
| 2  | Máy biến áp 320KVA thu hồi dự án tháo dỡ GD1 | Cái | 1        |

### 4. Nhóm 4: Thiết bị công nghệ thông tin và điện tử thu hồi (bán theo kg)

| TT | Mã công cụ     | Tên vật tư                                                                  | Đvt | Số lượng |
|----|----------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 1  | CQN7000000534  | Bộ máy vi tính Intel Core i3-7100                                           | Cái | 1        |
| 2  | CQN7000000564  | màn hình HP V203 Led Wide (Nay)                                             | Cái | 1        |
| 3  | CQN7000000747  | Máy tính laptop Dell Inspiron 5482( PTGD Dương)                             | Cái | 1        |
| 4  | CQN7000000166  | Máy in HP M201DN (P.A Nhất)                                                 | Cái | 1        |
| 5  | CQN7000000184  | Máy vi tính HP All in One Pavilion 23-Q035D                                 | Cái | 1        |
| 6  | CQN7000000185  | Máy in cannon 3300                                                          | Cái | 1        |
| 7  | CQN7000000227  | Máy tính HP AIO 23 (A.Nghĩa PTGD)                                           | Cái | 1        |
| 8  | CQN7000000233  | Máy vi tính để bàn và UPS (P.KTT)                                           | Cái | 1        |
| 9  | CQN7000000234  | Máy in cannon 3300 P/KTT                                                    | Cái | 1        |
| 10 | CQN7000000263  | Máy in cannon 3300 Phòng A.Nghĩa                                            | Cái | 1        |
| 11 | CQN7000000294  | Máy in Canon 3300 (P. A Nhựt)                                               | Cái | 1        |
| 12 | CQN7000000308  | Laptop HP (P.A Nhựt)                                                        | Cái | 1        |
| 13 | CQN7000000468  | Bộ phát wifi tenda ( p chủ tịch)                                            | Cái | 1        |
| 14 | CQN.6.0121.015 | Máy tính xách tay Dell Vostro V5402 của ông Vũ Anh Tuấn( số serial GDB4963) | Cái | 1        |
| 15 | CQN.7.1021.002 | Webcam (Phòng chú Hoàng PTGD)                                               | Cái | 1        |
| 16 | CQN6000000123  | Máy in cannon                                                               | Cái | 1        |



|    |                |                                                                                               |     |   |
|----|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|
| 17 | CQN7000000166  | Máy in HP M201DN (P.A Nhất)                                                                   | Cái | 1 |
| 18 | CQNPDH0066     | Máy tính xách tay                                                                             | Cái | 1 |
| 19 | CQN.6.0422.002 | Máy tính xách tay Dell XPS 9310(Tổ thị trường)                                                | Cái | 1 |
| 20 | CQN7000000075  | Máy tính bộ lắp ráp CPU Intel Core i3 TH3 32403M Cache, 3.40 GHz                              | Cái | 1 |
| 21 | CQN7000000297  | Máy vi tính CPU I3,HDD, Ram...                                                                | Cái | 1 |
| 22 | CQN7000000326  | Máy vi tính CPU I3 4160, DD ram 4Gb( máy tính của ông Huy)                                    | Cái | 1 |
| 23 | CQNCCDC0001    | Máy tính i 3-3240(3.4GHz)                                                                     | Cái | 2 |
| 24 | CQN7000000181  | Máy vi tính lắp ráp Core i3-4160 và UPS                                                       | Cái | 1 |
| 25 | CQN7000000177  | Scanner HPG 3110                                                                              | Cái | 1 |
| 26 | CQN7000000162  | Máy in LQ 310                                                                                 | Cái | 1 |
| 27 | CQN.7.0921.012 | Tivi samsung Led Aconatic 43 DF 800SM( trang bị khai báo ý tế tại cổng ra vào Đội container)  | Cái | 1 |
| 28 | CQN6000000053  | Máy in Cannon 3500 (bqlda)                                                                    | Cái | 1 |
| 29 | CQN7000000165  | Máy in canon 3300 (Phòng kế toán trưởng)                                                      | Cái | 1 |
| 30 | CQN7000000228  | Máy tính xách tay Dell                                                                        | Cái | 1 |
| 31 | CQN.6.1221.006 | Máy tính xách tay Dell 7400/core i5( Lãnh đạo dùng cho công tác phòng chống bão lụt)          | Cái | 1 |
| 32 | CQN.6.1221.007 | Máy tính xách tay Dell 7400/core i5(Lãnh đạo dùng cho công tác phòng chống bão lụt)           | Cái | 1 |
| 33 | CQN.6.1221.008 | Máy tính xách tay Dell 7400/ core i5( Phục vụ lãnh đạo dùng cho công tác Phòng chống bão lụt) | Cái | 1 |
| 34 | CQN.6.1221.021 | Ipad pro M1(5G 128Gb Space Gray-MHW53ZA)- CT&HĐQT                                             | Cái | 1 |



*Handwritten signature/initials*

|    |                |                                                                                                  |     |   |
|----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|
| 35 | CQN.6.1221.022 | Bàn phím Apple( CT&HĐQT)                                                                         | Cái | 1 |
| 36 | CQN.6.1221.023 | Máy tính xách tay ASUS(CT&HĐQT)                                                                  | Cái | 1 |
| 37 | CQN.6.1221.024 | Máy tính xách tay DELL VOS15 3500 i7(CT&HĐQT)                                                    | Cái | 1 |
| 38 | CQN.6.1221.025 | Máy tính xách tay HP 24 G8 i31005G1(CT&HĐQT)                                                     | Cái | 2 |
| 39 | CQN.700000016  | Switch TP Link 8 port(SC mạng nội bộ)-7 cái                                                      | Cái | 7 |
| 40 | CQN.700000017  | Switch Tp Link 16 port(sc mạng nội bộ)-5 cái                                                     | Cái | 5 |
| 41 | CQN.700000018  | Switch C2960X(sc mạng nội bộ) khu vự- 1 cái                                                      | Cái | 1 |
| 42 | CQN7000000328  | Máy vi tính HP PROONE-P A. Nhon                                                                  | Cái | 1 |
| 43 | CQN.7.1121.010 | Thiết bị chuyển mạch                                                                             | Cái | 1 |
| 44 | CQN.7.0921.009 | Máy tính bảng samsung Galaxy Tab S7 có bộ bao da tích hợp bàn phím(TGD Linh)                     | Cái | 1 |
| 45 | CQN.7.0921.010 | Máy tính bảng Samsung Galaxy Tab S7(Black) có bộ bao da tích hợp bàn phím( PTGD Dương)           | Cái | 1 |
| 46 | CQN.7.0921.011 | Máy tính bảng samsung Galaxy Tab S7(Black) có bộ bao da tích hợp bàn phím( ông Cường - PPĐầu tư) | Cái | 1 |
| 47 | CQN.7.0921.013 | Máy đọc mã vạch SL-2310i hỗ trợ khai báo y tế phòng chống dịch(09 cái)                           | Cái | 9 |
| 48 | CQN.6000000007 | Máy vi tính kho ngoại quan( TTDHSX)                                                              | Cái | 1 |
| 49 | CQN.6000000008 | Máy in kho ngoại quan( TTDHSX)                                                                   | Cái | 1 |
| 50 | CQN7000000700  | Mua CPU lắp ráp cho ông Nay PTCKT                                                                | Cái | 1 |
| 51 | CQN.PBDH0038   | Máy in Cannon                                                                                    | Cái | 1 |
| 52 | CQN7000000280  | Máy vi tính để bàn CPU I3                                                                        | Cái | 1 |
| 53 | CQN.7.0821.025 | Máy đếm tiền Xinda 2165L                                                                         | Cái | 1 |



*ph*



|    |                |                                                                |     |    |
|----|----------------|----------------------------------------------------------------|-----|----|
| 54 | CQNPBDH0228    | Máy in Canon                                                   | Cái | 1  |
| 55 | CQNPBDH0229    | Máy Scan HP                                                    | Cái | 1  |
| 56 | CQN7000000129  | Băng ca xếp cho trạm y tế                                      | Cái | 1  |
| 57 | CQNPBDH0098    | Ghế đệm inox                                                   | Cái | 1  |
| 58 | CQN.7.0125.003 | Bình chữa cháy xách tay bột ABC 4kg                            | Cái | 6  |
| 59 | CQN.7.0125.004 | Thùng rác 120L - HT                                            | Cái | 5  |
| 60 | CQN7000000375  | Máy hàn ARC 200C - Tân Thành                                   | Cái | 1  |
| 61 | CQNPBDH0362    | Máy in HP                                                      | Cái | 1  |
| 62 | CQNPBDH0410    | Máy tính bàn (có ổn áp)                                        | Cái | 1  |
| 63 | CQN.7.1022.009 | Tủ hồ sơ AT880D (Đội quản lý và Khai thác bãi - tầng 2 TTDHSX) | Cái | 10 |
| 64 | CQN6000000002  | Camera M702AR (tầng 2)                                         | Cái | 2  |
| 65 | CQN6000000030  | Máy chiếu đa năng phòng họp giao ban                           | Cái | 1  |
| 66 | CQN6000000037  | Máy tính xách tay ViO (Phúc->Hà)                               | Cái | 1  |
| 67 | CQN6000000054  | Máy vi tính xách tay DELL1014 (A. PHÚC)                        | Cái | 1  |
| 68 | CQN6000000055  | Máy vi tính xách tay DELL1014 (A. TIẾN)                        | Cái | 1  |
| 69 | CQN6000000063  | Máy in Epson T60                                               | Cái | 1  |
| 70 | CQN6000000065  | 3 camera tầng trệt, lầu, cổng chính                            | Cái | 1  |
| 71 | CQN7000000016  | Bộ định tuyến linksys EA6300                                   | Cái | 1  |
| 72 | CQN7000000178  | Micro cầm tay (hội trường)                                     | Cái | 1  |

mb

|    |                |                                                                              |     |   |
|----|----------------|------------------------------------------------------------------------------|-----|---|
| 73 | CQNPBDH0010    | Máy in Canon LBP 3300                                                        | Cái | 1 |
| 74 | CQNPBDH0012    | Bộ máy tính                                                                  | Cái | 1 |
| 75 | CQNPBDH0021    | Máy in màu EPSON                                                             | Cái | 1 |
| 76 | CQNPBDH0022    | Máy in Canon LBP 3300                                                        | Cái | 1 |
| 77 | CQNPBDH0023    | Máy Fax Panasonic                                                            | Cái | 1 |
| 78 | CQNPBDH0176    | Micro                                                                        | Cái | 4 |
| 79 | CQN.7.0522.022 | Bàn làm việc nhân viên(đặt tại tầng 3 TTDVKH cho Ban QLDA Nâng cấp bến số 1) | Cái | 3 |
| 80 | CQNPBDH0050    | Bàn làm việc (nhỏ)                                                           | Cái | 1 |
| 81 | CQN7000000710  | Mua bộ máy vi tính lắp ráp trang bị cho đội cont (Nguyễn Thị Tường)          | Cái | 1 |
| 82 | CQN7000000629  | Bộ camera quan sát                                                           | Cái | 1 |
| 83 | CQN7000000712  | Mua CPU lắp ráp cho máy tính PTCHC (Tù Thị Xuân Thọ)                         | Cái | 1 |
| 84 | CQNPBDH0269    | Máy Fax Panasonic                                                            | Cái | 1 |
| 85 | CQNPBDH0299    | Máy in Canon                                                                 | Cái | 1 |
| 86 | CQN6000000238  | Máy tính xách tay Dell - ô Phương- NQT cty                                   | Cái | 1 |
| 87 | CQN7000000216  | Máy tính xách tay (Anh Hiệp trợ lý TGD kiêm CT HĐQT)                         | Cái | 1 |
| 88 | CQN7000000296  | Tủ Rack TEKA 3611                                                            | Cái | 1 |
| 89 | CQN7000000327  | Khối CPU I34160, ram 4Gb, HDD 500Gb, DVD case, nguồn                         | Cái | 1 |

25  
G  
P  
N  
N  
N



|     |                |                                                                                         |     |   |
|-----|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|
| 90  | CQN7000000390  | Bộ định tuyến Vigus 2960                                                                | Cái | 1 |
| 91  | CQN7000000444  | Máy fax brother MFC 2840 (C. Nghiệp)                                                    | Cái | 1 |
| 92  | CQN7000000446  | Ổ cứng di động HDD 2000Gb (TCHC)                                                        | Cái | 1 |
| 93  | CQN7000000482  | Router Draytex Vigor 2960 kết nối wifi                                                  | Cái | 1 |
| 94  | CQN7000000603  | Bộ bàn vi tính                                                                          | Cái | 1 |
| 95  | CQN7000000196  | Bộ loa thùng hiệu ORDER, Micro                                                          | Cái | 2 |
| 96  | CQN7000000678  | Máy đọc mã vạch Kingpos SI-2310i cho đội cont                                           | Cái | 1 |
| 97  | CQN7000000448  | Icom IC-M506 (Tổ trực ban tàu lai)                                                      | Cái | 1 |
| 98  | CQNPBDH0409    | Máy in Cannon                                                                           | Cái | 1 |
| 99  | CQN7000000481  | Máy bơm chìm KBZ 23.7 - 5HP - China (trạm cấp nước KD)                                  | Cái | 1 |
| 100 | CQN7000000494  | Máy thu phát VHF cầm tay Icom(Tổ cấp nước)                                              | Cái | 1 |
| 101 | CQN7000000626  | Máy thu phát vô tuyến Ic-M25                                                            | Cái | 1 |
| 102 | CQN.6.0121.003 | Máy tính xách tay Dell Vostro V5402/Corei7 của ông Đặng Quốc Thiện ( số serial 94SW763) | Cái | 1 |
| 103 | CQN.6.0121.004 | Máy tính xách tay Dell Vostro V5402/Corei7 của ông Phan Thanh Hùng( số serial 5ZRW763)  | Cái | 1 |
| 104 | CQN.6.0121.010 | Máy tính xách tay Dell Vostro V5402 của ông Hoàng Đức Hoàn (số serial 6XQW763)          | Cái | 1 |
| 105 | CQN.6.1220.001 | Bộ máy vi tính đội Cont (Bộ phận kế hoạch hiện trường)                                  | Cái | 1 |

|     |                |                                                                         |     |   |
|-----|----------------|-------------------------------------------------------------------------|-----|---|
| 106 | CQN.6.1220.002 | Bộ máy vi tính đội cont (Bộ phận khai thác bãi cont số 2)               | Cái | 1 |
| 107 | CQN.7.0009-08  | Máy in Canon (Vp Kho ngoại quan- tầng 2 Đội cont)                       | Cái | 1 |
| 108 | CQN7000000698  | Mua máy in cho Đội Container                                            | Cái | 1 |
| 109 | CQN.6.0006-08  | Bộ máy vi tính bàn ( vp Kho ngoại quan - tầng 2 Đội Cont)               | Cái | 1 |
| 110 | CQNPBDH0431    | Máy in Canon                                                            | Cái | 1 |
| 111 | CQN.7.1022.026 | Máy tính bảng Samsung Galaxy Tab A8 (trang bị cho 05 xe nâng container) | Cái | 5 |
| 112 | CQN7000000182  | Máy vi tính để bàn lắp ráp chip Intel Core i3-4160 và UPS 500VA (3 bộ)  | Cái | 3 |
| 113 | CQN7000000152  | Ổn áp lioa DRT 1000VA                                                   | Cái | 1 |
| 114 | CQN7000000168  | Ổn áp lioa Dri 1000WA                                                   | Cái | 1 |
| 115 | CQN7000000613  | Máy in cannon 2900                                                      | Cái | 1 |
| 116 | CQN.7.1220.015 | Phân bổ gia công ben thuyền 2.2m3 và 1 ben xả đáy                       | Cái | 1 |

Ghi chú:

- Số lượng thực tế thanh toán sẽ được căn cứ vào phiếu cân hàng sau khi qua cân.
- Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT.
- Vật tư thu hồi xuất bán thanh lý theo danh mục phê duyệt và số lượng vật tư xuất tại thời điểm bán thanh lý.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**PHIẾU CHÀO GIÁ**  
**MUA HÀNG THANH LÝ CÁC LOẠI**

Tổ chức/ cá nhân : .....

GĐKKD/Số CMND/CCCD: ..... Ngày cấp: ..... /..... /..... tại:  
.....

Địa  
chỉ:.....

Điện thoại liên lạc.....

Sau khi tìm hiểu, xem xét, mặt hàng được bán thanh lý, tôi xin trả giá như sau:

| TT | Nhóm vật tư                                                              |                                                   | Giá chào mua (đồng) |
|----|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Nhóm 1: sắt thép, vật tư thu hồi (bán theo kg)                           |                                                   |                     |
| 2  | Nhóm 2:<br>đệm cao<br>su, lốp xe<br>thu hồi<br>(bán theo<br>cái)         | - Dây băng tải B500 thu hồi                       |                     |
|    |                                                                          | - Dây băng tải thu hồi - BTĐ 46                   |                     |
|    |                                                                          | - Dây băng tải thu hồi B1400                      |                     |
|    |                                                                          | - Lốp 11.00 + 11R22,5 thu hồi                     |                     |
|    |                                                                          | - Lốp 12.00 + 12R22.5 thu hồi                     |                     |
|    |                                                                          | - Lốp 14.00 thu hồi                               |                     |
|    |                                                                          | - Lốp 18.00 thu hồi XN+RTG                        |                     |
|    |                                                                          | - Lốp nhỏ 17,5 - 7.00 thu hồi                     |                     |
| 3  | Nhóm 3:<br>Máy biến<br>áp (bán<br>theo cái)                              | - Máy biến áp 30KVA thu hồi<br>đường dây 22Kv     |                     |
|    |                                                                          | - Máy biến áp 320KVA thu hồi dự<br>án tháo dỡ GD1 |                     |
| 4  | Nhóm 4: Thiết bị công nghệ thông tin và điện<br>tử thu hồi (bán theo kg) |                                                   |                     |

*(Lưu ý: Giá ghi trong chào giá đã bao gồm thuế GTGT, chịu toàn bộ chi phí bốc xếp, chi phí cân, chịu trách nhiệm an toàn phòng cháy chữa cháy, vận chuyển từ kho bên bán khi trúng chào giá; đăng ký danh sách người và phương tiện khi vào cảng làm việc. Phiếu chào giá được điền đủ thông tin, bỏ trong bì dán kín và gửi về địa chỉ theo thông báo.)*

Tổ chức/cá nhân tham gia xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung ghi tại phiếu chào giá mua đã nộp cho Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn./.

Gia Lai, ngày            tháng 8 năm 2026

**Người tham gia chào giá**

(Ký, ghi rõ họ tên)

*ns*